

TRÁCH NHIỆM CỦA VIỆN CÔNG TỔ PHÁP VÀ VIỆN KIỂM SÁT TRUNG QUỐC TRONG VIỆC BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI - KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

HOÀNG ANH TUYÊN* - DƯƠNG ĐÌNH CÔNG** - LÊ THỊ THẨM***

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu vai trò, trách nhiệm của Viện Công tố Pháp và Viện kiểm sát Trung Quốc trong việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội (SDVT) – một thành tựu quan trọng của khoa học tố tụng hình sự (TTHS) hiện đại. Trên cơ sở phân tích, làm rõ cách thức cơ quan công tố tại Pháp và Trung Quốc thực hiện trách nhiệm này qua các giai đoạn tố tụng, chỉ ra những ưu điểm, thành tựu pháp luật của hai nước, bài viết rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm nguyên tắc SDVT.

Từ khóa: Viện kiểm sát; suy đoán vô tội; trách nhiệm chứng minh

Ngày nhận bài: 01/9/2025; Biên tập xong: 20/9/2025; Duyệt đăng: 23/9/2025

THE RESPONSIBILITIES OF THE FRENCH PUBLIC PROSECUTOR'S OFFICE AND THE CHINESE PEOPLE'S PROCURATORATE IN ENSURING THE PRESUMPTION OF INNOCENCE - LESSONS FOR VIETNAM

Abstract: This article examines the role and responsibilities of the French Public Prosecutor's Office and the Chinese People's Procuratorate in ensuring the Presumption of Innocence - a fundamental achievement of modern criminal procedure. Through an analysis of how prosecutorial authorities in France and China fulfill this responsibility at different stages of criminal proceedings, the paper highlights the key advantages and legislative achievements of both systems. It then draws lessons for Vietnam to improve its criminal procedure law and enhance the responsibility of the People's Procuracy in ensuring this principle.

Keywords: The People's Procuracy; Presumption of Innocence; burden of proof

Received: Sep 01, 2025; **Editing completed:** Sep 20, 2025; **Accepted for publication:** Sep 23, 2025

Đặt vấn đề

SDVT là một trong những vấn đề có nhiều tranh luận nhất trong khoa học TTHS¹. Chính vì vậy, việc thừa nhận nguyên tắc SDVT trong TTHS hiện nay được coi là thành tựu quan trọng của khoa học pháp lý hiện đại². Nội dung cơ bản của nguyên tắc SDVT đã được hình thành và ghi nhận ngày càng đầy đủ theo tiến trình phát triển của khoa học TTHS thế giới. Từ những quy định sơ khai, nguyên tắc này đã dần được hệ thống hóa thành những quy tắc chặt chẽ như hiện nay. Sự thừa nhận và pháp điển hóa SDVT không chỉ nhằm đảm bảo quyền con người và công bằng trong tố tụng, còn phản ánh bước tiến quan trọng trong nhận thức của nhân loại về công lý và quyền lợi của cá nhân trong hệ thống pháp luật.

Nguyên tắc SDVT có nguồn gốc từ dòng họ pháp luật Common law, sau đó được ghi nhận và áp dụng phổ biến trên thế giới từ thế

kỷ XX. Sự phổ biến này được thể hiện rõ nét qua việc SDVT được ghi nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng, điển hình là Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948 của Liên hợp quốc, cũng như được pháp điển hóa rộng rãi trong văn bản pháp lý của nhiều quốc gia trên thế giới³. Việc bảo đảm nguyên tắc SDVT là trách nhiệm được giao cho nhiều cơ quan khác nhau trong hệ thống tư pháp, dẫn đến sự khác biệt đáng kể trong quy định và thực tiễn áp dụng nguyên tắc này giữa các quốc gia. Đặc biệt, trách nhiệm bảo đảm SDVT của cơ quan công tố ở mỗi nước luôn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi mô hình TTHS

* Email: Hoanganhtuyen04@gmail.com

Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kiểm sát

** Email: Dacong1983@gmail.com

Tiến sĩ, Phó Trường khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

*** Email: Lethamdhks@gmail.com

Nghiên cứu sinh, Thạc sĩ, Giảng viên chính, Khoa Pháp luật Kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

¹ Nguyễn Thành Long, *Nguyên tắc SDVT trong TTHS Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 24.

² Nguyễn Thành Long, *Tlđđ*, tr. 7.

³ Studies in Church Law & Ministryth Pennington, "Innocent Until Proven Guilty: The Origins of a Legal Maxim", *Stud. Church l. & Ministry* 106, 63 Jurist, 2003, p. 106-107.

mà quốc gia đó áp dụng. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu Cộng hòa Pháp (đại diện cho truyền thống Civil law, tiêu biểu cho mô hình TTTHS thẩm vấn) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (đại diện cho mô hình TTTHS thẩm vấn lai ghép) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng⁴. Đây là hai quốc gia tiêu biểu cho những truyền thống pháp luật khác nhau nhưng lại có nhiều sự gần bó và tương đồng với Việt Nam cả về lịch sử và hiện tại. Do đó, việc đi sâu nghiên cứu vấn đề bảo đảm nguyên tắc SĐVT tại hai quốc gia này, từ đó rút ra những kinh nghiệm thích hợp cho Việt Nam, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

1. Trách nhiệm của Viện Công tố Pháp trong việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội

Pháp là quốc gia thuộc dòng họ pháp luật Civil law, với mô hình TTTHS nguyên thủy là tố tụng thẩm vấn. Tuy nhiên, mô hình này hiện nay đã có sự phát triển đáng kể, được lai ghép và tiếp thu nhiều yếu tố tranh tụng. Đặc trưng của mô hình TTTHS này là hệ thống tư pháp hình sự của Pháp có sự phân chia rõ ràng giữa các chức năng điều tra, truy tố và xét xử, tương ứng với sự phân chia thành ba giai đoạn trong quá trình TTTHS⁵. Ở Pháp, nguyên tắc SĐVT đã tồn tại hàng thế kỷ và chỉ được chính thức ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2000⁶. Cơ quan công tố đóng vai trò quan trọng trong TTTHS ở Pháp, hiện diện ở tất cả các giai đoạn tố tụng và các hoạt động, chế định tố tụng.

- *Bảo đảm nguyên tắc SĐVT trong giai đoạn tiền xét xử*: Nguyên tắc SĐVT được áp dụng ngay từ khi một cá nhân trở thành nghi phạm hoặc người bị buộc tội, phù hợp với các yêu cầu đã được ghi nhận tại Điều 2, Điều 3, Mục 12 Lời nói đầu của Chỉ thị châu Âu (EU) 2016/343. Theo đó, Cảnh sát tư pháp, Công tố viên và Thẩm phán có trách nhiệm đảm bảo nguyên tắc SĐVT được thực hiện trong Tòa

bộ giai đoạn tố tụng. Điều này đặc biệt quan trọng trong giai đoạn điều tra, khi các hoạt động thu thập và phân tích chứng cứ của vụ án diễn ra chủ yếu trong giai đoạn này.

Công tố viên ở Pháp có trách nhiệm đảm bảo nguyên tắc SĐVT khi áp dụng biện pháp cưỡng chế trong TTTHS. Cụ thể: Theo nguyên tắc SĐVT, trong Tòa bộ quá trình tiến hành tố tụng, người bị tình nghi, người bị buộc tội được đối xử như người vô tội, do đó, họ không thể bị tước tự do mà phải được đảm bảo các quyền như người vô tội⁷. Tuy nhiên, nghĩa của từ “*suy đoán*” không có nghĩa cá nhân đó vô tội mà cơ quan, người tiến hành tố tụng giả định cá nhân vô tội cho tới khi tìm được đủ bằng chứng buộc tội để bác bỏ giả định “*vô tội*”. Vì thế, người bị tình nghi, người bị buộc tội không có đầy đủ quyền như người vô tội thông thường, nhưng họ không thể bị đối xử như người có tội trong quá trình tố tụng. Chủ thể tiến hành tố tụng, nhất là Công tố viên có trách nhiệm bảo đảm nguyên tắc này được thực hiện đầy đủ nhằm bảo vệ nghi phạm và người bị buộc tội trong suốt các giai đoạn của TTTHS.

Về nguyên tắc, nghi phạm và người bị buộc tội được tự do, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tước hoặc hạn chế tự do đối với họ là ngoại lệ. Khi Cảnh sát tư pháp quyết định bắt tạm giữ một người nào đó đang bị tình nghi phạm tội thì quyết định này phải được thông báo cho Công tố viên nhanh nhất có thể. Trên cơ sở đó, bên công tố có thể đảm bảo được quyền của nghi phạm không bị xâm phạm bất hợp pháp khi không đủ căn cứ. Hơn nữa, Điều 41 BLTTHS Pháp quy định Công tố viên kiểm tra “*đột xuất*” trụ sở Cảnh sát nhằm bảo đảm điều kiện vật chất của nơi giam giữ. Quy định này cho thấy Công tố viên đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguyên tắc SĐVT khi thực hiện các biện pháp tạm giữ, tạm giam. Một người được suy đoán là vô tội không có nghĩa người này phải được đối xử như “*người vô tội*” trong quá trình TTTHS⁸. Do đó, Cảnh sát vẫn có quyền giữ một người bị tình nghi phạm tội nhưng việc tạm giữ cũng không được quá 24 giờ, được gia hạn thêm

⁴ Việc phân định mô hình TTTHS thẩm vấn hay tranh tụng cũng chỉ mang tính chất tương đối khi sự tiếp thu, cấy ghép những yếu tố hợp lý ở mỗi mô hình làm cho việc tìm kiếm mô hình TTTHS đơn thuần trở nên hiếm gặp mà chủ yếu là mô hình TTTHS pha trộn.

⁵ Vergnolle, S. (2017), *Understanding the French Criminal Justice System as a Tool for Reforming International Legal Cooperation and Cross-Border Data Requests*, <https://doi.org/10.2139/ssrn.2921364>, truy cập ngày 01/10/2024.

⁶ Mai Thanh Hiếu, “Nội dung nguyên tắc SĐVT trong pháp luật TTTHS Pháp và Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 6/2023, tr. 56.

⁷ Aurélie Bergeaud-Wetterwald (2018), “Ý nghĩa và việc áp dụng nguyên tắc SĐVT trong pháp luật Cộng hòa Pháp”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế The Presumption of Innocence - SĐVT*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

⁸ Aurélie Bergeaud-Wetterwald, Tlđđ.

một lần, nhưng cũng không được quá 24 giờ. Quy định này giúp Công tố viên hạn chế việc lạm quyền tạm giữ, tạm giam làm ảnh hưởng tới quyền tự do của cá nhân từ Cảnh sát tư pháp. Theo BLTTHS Pháp, tạm giữ, tạm giam là biện pháp cuối cùng, chỉ áp dụng khi cần thiết để đạt được các mục tiêu nhất định. Các mục tiêu này bao gồm: Thẩm vấn người tình nghi, đảm bảo sự trình diện của người đó trước Công tố viên (nhằm giúp Công tố viên đánh giá bước tiếp theo của hoạt động điều tra), hoặc ngăn chặn người này tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, vật chứng⁹. Điều này củng cố nguyên tắc hạn chế việc tước hoặc hạn chế tự do của cá nhân, thể hiện sự ưu tiên bảo đảm nguyên tắc SDVT.

Đối với các vụ án nghiêm trọng hoặc phức tạp, quá trình điều tra sẽ do Dự thẩm viên (Thẩm phán điều tra) tiến hành. Do tính chất chuyên sâu, quá trình này thường kéo dài hơn và theo đó, quyền tự do của người bị điều tra cũng sẽ bị hạn chế nhiều hơn so với các vụ án thông thường¹⁰. Công tố viên là người được thông báo lệnh bắt người trong trường hợp người bị khởi tố không tuân thủ các biện pháp ít nghiêm khắc hơn, như giám sát tư pháp hay cấm đi khỏi nơi cư trú kèm theo giám sát điện tử (Điều 133-1). Mặc dù Công tố viên không phải là cơ quan có quyền quyết định phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam trong mọi trường hợp, nhưng luôn được thông báo để thực hiện hoạt động giám sát đối với các cơ quan tiến hành lệnh bắt người, như Cảnh sát tư pháp và Thẩm phán điều tra. Cơ quan công tố sẽ tiến hành giám sát để đảm bảo Cảnh sát tư pháp và Dự thẩm viên chỉ thực hiện lệnh bắt người khi chứng minh được lý do cần thiết theo quy định tại Điều 62-2 và Điều 144 BLTTHS.

Tóm lại, việc áp dụng biện pháp bắt người để tạm giữ, tạm giam trước khi có bản án có hiệu lực pháp luật cuối cùng của Tòa án cần được hạn chế. Cơ quan công tố Pháp có nghĩa vụ bảo đảm và giám sát những hoạt động này nhằm tránh vi phạm pháp luật. Công tố viên chủ động hạn chế việc tạm giữ, tạm giam không cần thiết để ngăn ngừa trường hợp

những người liên quan hoặc dư luận hiểu sai, cho rằng việc tạm giữ, tạm giam là dấu hiệu công nhận hành vi phạm tội.

- *Bảo đảm nguyên tắc SDVT trong các quy tắc về chứng cứ*: Chỉ những chứng cứ được thu thập hợp pháp và không ảnh hưởng đến quyền bào chữa mới được chấp nhận. Chẳng hạn, lời thú tội dưới trạng thái thôi miên hoặc do hành vi kích động không công bằng của Cảnh sát sẽ không được chấp nhận. Tương tự, các bản tường trình hoặc báo cáo không đúng quy định sẽ bị loại bỏ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quy định nghiêm ngặt về tính hợp pháp và việc loại bỏ chứng cứ này chỉ áp dụng đối với cơ quan công quyền. Tòa án tối cao đã quyết định rằng Thẩm phán hình sự không được bác bỏ chứng cứ do các bên tư nhân thu thập chỉ vì chứng cứ đó được thu thập một cách bất hợp pháp. Vai trò của Thẩm phán là đánh giá giá trị chứng cứ (theo án lệ Cass 06/4/1994 của Tòa án tối cao về việc bác bỏ đơn kháng cáo của Bernard, chống lại quyết định của Tòa phúc thẩm Bordeaux¹¹; Án lệ Cass Crim 30/3/1999 của Tòa án tối cao về việc bác bỏ đơn kháng cáo Tòa phúc thẩm Lyon¹²). Trường hợp ngoại lệ khi hành động của bị đơn hoặc bị cáo không thuộc phạm vi điều tra, do đó không bị ràng buộc bởi các quy tắc về vô hiệu hóa chứng cứ. Tuy nhiên, Tòa chỉ có thể xét xử dựa trên chứng cứ đã được tranh luận công khai (Điều 427 BLTTHS Pháp)¹³.

- *Bảo đảm nguyên tắc SDVT trong quy định về trách nhiệm chứng minh thuộc về bên công tố*: Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về bên công tố là nguyên tắc cốt lõi, theo đó, người bị tình nghi, người bị buộc tội không có nghĩa vụ chứng minh mình vô tội. Ngược lại, Công tố viên có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Nghĩa vụ này đòi hỏi Công tố viên phải thực hiện cả việc tìm bằng chứng có tội và gỡ tội. Tuy nhiên, nghĩa vụ chứng minh này không ràng buộc Công tố viên là cơ quan duy nhất có thẩm quyền tìm kiếm bằng chứng trong vụ án; Thẩm phán điều tra và ngay cả người bị tình nghi, người bị buộc tội cũng có thể đưa ra bằng chứng có lợi cho

⁹ Điều 62-2 BLTTHS Cộng hòa Pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2021), https://legislationonline.org/sites/default/files/2023-10/France_Code_of_criminal_procedure_EN.pdf, truy cập ngày 01/10/2024.

¹⁰ Aurélie Bergeaud-Wetterwald, *ltd.*

¹¹ <https://www.legifrance.gouv.fr/juri/id/JURITEXT000007066831/>, truy cập ngày 01/10/2024.

¹² <https://www.legifrance.gouv.fr/juri/id/JURITEXT000007071396/>, truy cập ngày 01/10/2024.

¹³ Sally Ramage, "The right to silence in France, Germany, US and the UK", *Current Criminal Law*, Vol. 1, No. 2/2008, p. 14.

mình. Điều này thể hiện quan điểm rằng, nếu Công tố viên không tìm được các bằng chứng đủ để vượt qua sự nghi ngờ hợp lý đối với hành vi của nghi phạm hoặc người bị buộc tội, thì phải suy đoán theo hướng có lợi cho bên bị buộc tội. Mặc dù vậy, cũng tồn tại một số trường hợp ngoại lệ của nghĩa vụ chứng minh này, chẳng hạn: Đối với tội phỉ báng, vu khống (Điều 35 Bộ luật Hình sự Pháp) thì nghĩa vụ chứng minh lại thuộc về người bị tình nghi, người bị buộc tội. Theo đó, những người bị cáo buộc đối với tội này có nghĩa vụ chứng minh mình không thực hiện những hành vi như cáo buộc. Hay tại Điều 225-6 Bộ luật Hình sự Pháp: Quy định về nghĩa vụ chứng minh thu nhập đối với những người có quan hệ gần gũi, sống chung với người tham gia hoạt động mại dâm mà “không chứng minh được nguồn gốc thu nhập” thì có thể bị phạt tù tới 05 năm¹⁴. Người bị tình nghi phạm tội hoặc bị buộc tội, khi được thẩm vấn, điều tra bởi Cảnh sát tư pháp, Công tố viên hoặc Dự thẩm viên, có quyền giữ im lặng (Điều 63-1, Điều 116 BLTTHS Pháp). Trong trường hợp này, chỉ Viện trưởng Viện Công tố hoặc Thẩm phán điều tra mới có quyền quyết định có cho phép Cảnh sát tư pháp tiến hành các biện pháp khác hay không. Sau khi tiến hành các biện pháp khác theo sự chấp thuận này, Cảnh sát tư pháp lập biên bản, ghi rõ lý do kiểm tra, xác minh thông tin bằng các biện pháp khác nhau, và phải gửi cho Viện Công tố một bản sao trong các trường hợp được liệt kê tại Điều 78-3. BLTTHS Pháp cũng quy định, sau khi Cảnh sát điều tra xong một hành vi vi phạm, người bị bắt được chuyển đến Công tố viên để mở một cuộc điều tra hoặc đưa ra xét xử tại Tòa, khi đó họ có quyền được hỗ trợ bởi luật sư. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, trong giai đoạn tạm giữ, quyền gặp luật sư còn khá hạn chế và quy định này đã gây ra nhiều tranh cãi trong những năm qua¹⁵.

Như vậy, Viện Công tố có quyền giám sát Cảnh sát tư pháp để đảm bảo không xâm phạm tới quyền giữ im lặng của người bị tình nghi hoặc bị buộc tội. Ngoài ra, trong quá trình tiến hành điều tra, người bị tình nghi hoặc bị buộc tội cũng không bị buộc phải khai các thông tin hay bằng chứng gây bất lợi cho mình. Nói cách khác, họ không có nghĩa vụ

phải hợp tác với cơ quan tư pháp và cơ quan công tố cần đảm bảo quyền này như một phần của nguyên tắc SĐVT xuyên suốt trong quá trình giải quyết VAHS.

- *Bảo đảm nguyên tắc SĐVT trong giai đoạn xét xử*: Thẩm phán đóng vai trò quan trọng, làm việc độc lập, và Công tố viên không có quyền giám sát hay chỉ đạo. Thẩm phán lắng nghe ý kiến của các bên và không đưa ra đánh giá trước khi vụ án được xét xử. Tất cả các chứng cứ phải được trình bày trong quá trình xét xử và Thẩm phán không được ảnh hưởng hoặc chi phối bởi những gì đã xảy ra trong giai đoạn điều tra. Vì vậy, Công tố viên cần nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc SĐVT trong việc đánh giá chứng cứ và thiết lập sự thật ngoài mọi nghi ngờ hợp lý. Nếu có sự nghi ngờ, quyết định không có tội nên được đưa ra theo hướng có lợi cho bị cáo.

2. Trách nhiệm của Viện kiểm sát Trung Quốc trong việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội

Trung Quốc là quốc gia theo mô hình TTHS thẩm vấn, tuy nhiên hiện nay, mô hình TTHS đã có nhiều điểm đổi mới¹⁶, được cấy ghép từ mô hình TTHS khác trên thế giới, trong đó nguyên tắc SĐVT cũng được tiếp thu ở những mức độ khác nhau. Nguyên tắc SĐVT được ghi nhận chính thức trong BLTTHS năm 1996 của Trung Quốc tại Điều 12 với nội dung “Không ai bị kết tội mà không được xét xử bởi Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật”. Xung quanh quy định này, loại ý kiến thứ nhất cho rằng điều khoản này dù không trực tiếp quy định về SĐVT nhưng đã tiếp thu bản chất của nguyên tắc SĐVT¹⁷. Ngược lại, loại ý kiến thứ hai cho rằng quy định này chỉ giải quyết được thẩm quyền kết án bị cáo, chứ chưa đề cập đến nguyên tắc SĐVT. Loại ý kiến thứ ba cho rằng quy định này đã dung hòa được các yếu tố hợp lý của nguyên tắc SĐVT¹⁸. BLTTHS năm 2012 và năm 2018 của Trung Quốc tiếp tục bảo lưu và ghi nhận quy định tại Điều 12 về thẩm quyền kết

¹⁶ Liling Yue (2012), “Mô hình TTHS Trung Quốc”, *Những mô hình TTHS điển hình trên thế giới (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 83.

¹⁷ Zhiyuan Guo (2018), “Presumption of Innocence in China”, *International Workshop Proceedings 505.01-2018.300: The Presumption of Innocence*, VNU, p. 355.

¹⁸ Dịch Diên Hữu (2012), *Về ý nghĩa của nguyên tắc SĐVT và việc hoàn thiện Luật TTHS*, <http://www.procedurallaw.cn/info/1005/1202.htm>.

¹⁴ Aurélie Bergeaud-Wetterwald, Tlđđ.

¹⁵ Jacqueline Hodgson.

án. Tuy nhiên, nguyên tắc SĐVT không chỉ thể hiện ở điều khoản này mà còn được quy định ở các điều khoản khác như những quy định về chứng cứ và chuyển trách nhiệm chứng minh sang cơ quan công tố. Việc này nhằm mục đích bảo vệ bị cáo vô tội khỏi bị truy tố oan, đồng thời bảo đảm sự bình đẳng cho tất cả bị cáo, đạt được nguyên tắc pháp quyền và củng cố tính hợp pháp của xét xử, bao gồm cả việc gián tiếp thừa nhận quyền im lặng¹⁹.

Theo Hiến pháp, Luật Tổ chức Viện kiểm sát và BLTTHS, Viện kiểm sát là cơ quan có thẩm quyền giám sát việc thực hiện pháp luật thông qua các hoạt động thực hành quyền công tố, điều tra (Điều 18 BLTTHS) và quyền giám sát thủ tục TTHS. Trong TTHS, Trung Quốc chia quá trình tiến hành TTHS thành 2 giai đoạn chính: Giai đoạn tiền xét xử (gồm lập hồ sơ vụ án, điều tra, truy tố) và giai đoạn xét xử²⁰. Theo đó, nguyên tắc SĐVT được bảo đảm trong xuyên suốt quá trình tố tụng và được bảo đảm bởi các cơ quan tư pháp, trong đó có Viện kiểm sát.

- *Bảo đảm nguyên tắc SĐVT trong giai đoạn tiền xét xử:* Trong giai đoạn này, Kiểm sát viên, trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm đảm bảo người bị tình nghi (bị can) không bị vi phạm các biện pháp bắt buộc trong quá trình tố tụng. Điều này nhằm bảo vệ bị can và củng cố nguyên tắc SĐVT, đảm bảo họ được đối xử phù hợp trong suốt quá trình giải quyết vụ án²¹. Pháp luật TTHS của Trung Quốc ghi nhận giá trị cốt lõi và yêu cầu đầu tiên của SĐVT là “*nghi phạm không phải là tội phạm*”, họ chỉ bị xem là tội phạm sau khi có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực. Vì thế, trong các hoạt động điều tra của giai đoạn tiền xét xử, Kiểm sát viên cần đảm bảo cho bị can được đối xử không giống tội phạm nhưng bị hạn chế một số quyền so với các công dân khác (ví dụ quyền cấm đi khỏi nơi cư trú...).

Chứng cứ là cơ sở quan trọng trong vụ án hình sự, SĐVT là một nguyên tắc trong tiến trình chứng minh hành vi của bị cáo có đủ chứng cứ để buộc tội hay không. Đối với quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, Kiểm sát viên là người có nghĩa vụ chứng minh hành

vi phạm tội (Điều 51 BLTTHS năm 2018)²². BLTTHS Trung Quốc ghi nhận những quy định chung về tiêu chí đánh giá chứng cứ tại Điều 55, theo đó, Kiểm sát viên có nhiệm vụ thu thập các chứng cứ “*đáng tin cậy và đầy đủ*”. Để đảm bảo nguyên tắc SĐVT được thực hiện đầy đủ trong giai đoạn này, Kiểm sát viên cần phải bảo đảm ba vấn đề cốt lõi sau: Thứ nhất, trách nhiệm chứng minh thuộc về Viện kiểm sát, và việc này phải được thực hiện bằng các biện pháp nghiệp vụ không trái quy định pháp luật tố tụng. Thứ hai, Viện kiểm sát phải chứng minh hành vi phạm tội dựa vào các chứng cứ hợp pháp thay vì các mối nghi ngờ có cơ sở. Thứ ba, bị can, bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh mình vô tội. Tuy nhiên, dù BLTTHS Trung Quốc không trực tiếp ghi nhận quyền im lặng nhưng lại ghi nhận tại Điều 52 về quyền “*không ai bị buộc phải chứng minh tội lỗi của mình*”. Điều khoản này, cùng với nguyên tắc chứng cứ, phải được thu thập một cách hợp pháp theo pháp luật đã hỗ trợ bị can, bị cáo không bị cưỡng bức nhận tội. SĐVT được xem là giải pháp đối với các trường hợp không thỏa mãn các tiêu chuẩn về chứng cứ chứng minh tội phạm. Khi không đủ cơ sở để chứng minh các chứng cứ làm căn cứ buộc tội, bị can không những không có nghĩa vụ chứng minh mình vô tội mà còn được quyền giữ im lặng.

Pháp luật Trung Quốc quy định Kiểm sát viên, theo thẩm quyền được giao, có trách nhiệm giám sát hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ nhằm bảo đảm tính khách quan, tuyệt đối không bức cung hay sử dụng các biện pháp bất hợp pháp đối với bị can trong quá trình tố tụng.

- *Bảo đảm nguyên tắc SĐVT trong giai đoạn xét xử:* SĐVT biểu hiện tập trung thông qua nguyên tắc tranh tụng tại Tòa. Theo đó, trong phiên xét xử chính thức, Kiểm sát viên bảo đảm để bị cáo vẫn được xem là người vô tội. Kiểm sát viên và luật sư phải tranh tụng tại Tòa, chất vấn nhân chứng và đưa ra quan điểm trước Tòa nhằm tránh trường hợp bức cung, oan sai khi lấy lời khai, thu thập chứng cứ trước đó.

Những quy định của BLTTHS hiện hành bao hàm nhiều khía cạnh của nguyên tắc SĐVT và thể hiện tinh thần cơ bản của nguyên

¹⁹ Dịch Diên Hữu, Tlđđ.

²⁰ Liling Yue, Tlđđ, tr. 91.

²¹ Chương 6 BLTTHS năm 2018, từ Điều 66 đến Điều 100 quy định về các biện pháp bắt buộc.

²² China Criminal Procedure Law (2018), <https://www.chinalawtranslate.com/criminal-procedure-law-2018/>, truy cập ngày 03/11/2024.

tắc này. Tuy nhiên, vẫn còn những khác biệt khi so sánh với những quy định trong các công ước về nhân quyền của Liên hợp quốc. Mặc dù Điều 12 có thể được hiểu là nghi phạm và bị cáo không thể bị coi là có tội trước khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án, pháp luật hiện hành lại thiếu một hệ thống pháp điển hóa rõ ràng và Toàn diện về nguyên tắc SĐVT. Hơn nữa, nguyên tắc này nhấn mạnh rằng bị cáo phải được coi là vô tội trong suốt quá trình truy tố hình sự. Việc tạm giam bị cáo trước khi xét xử chỉ nên được thực hiện khi có lệnh của Thẩm phán, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của vụ án. BLTTHS cũng yêu cầu quyền bào chữa phải được đảm bảo ở mọi giai đoạn tố tụng và những người bị cáo buộc có quyền im lặng và sự im lặng của họ không dẫn đến bất kỳ sự đối xử bất lợi nào. Từ những phân tích nêu trên cho thấy vẫn còn khoảng cách giữa nhận thức hiện tại về nguyên tắc SĐVT và các tiêu chuẩn tư pháp hình sự được quốc tế công nhận²³.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu trách nhiệm bảo đảm nguyên tắc SĐVT của Viện Công tố Pháp và Viện kiểm sát Trung Quốc, có thể rút ra nhiều kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát ở Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Hoàn thiện trách nhiệm giám sát, hạn chế biện pháp cưỡng chế tước hoặc hạn chế tự do: Bài học từ Pháp về kiểm sát biện pháp cưỡng chế cho thấy Viện Công tố đóng vai trò then chốt trong việc giám sát hành động bắt tạm giữ, tạm giam. Cụ thể, khi Cảnh sát tư pháp quyết định bắt tạm giữ, quyết định phải được thông báo cho Công tố viên trong thời gian sớm nhất, giúp bên công tố đảm bảo quyền của nghi phạm không bị xâm phạm bất hợp pháp. Việc Pháp quy định rõ thời hạn tạm giữ nghiêm ngặt và Công tố viên có quyền kiểm tra “đột xuất” trụ sở Cảnh sát là cơ chế giám sát liên tục và thực tế.

BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) của Việt Nam quy định cho Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ, tạm giam, thể hiện sự kiểm soát chặt chẽ của Viện kiểm sát đối với Cơ quan

điều tra. Tuy nhiên, cần tiếp tục nhấn mạnh quy định tạm giữ, tạm giam là biện pháp ngăn chặn cuối cùng khi không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế không tước tự do như kinh nghiệm của Pháp. Ngoài ra, Viện kiểm sát cần tăng cường trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Cơ quan điều tra (không chỉ ở quy định hiện hành phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ quyết định của Cơ quan điều tra) nhằm hạn chế việc tạm giữ, tạm giam không cần thiết. Việc này giúp tránh trường hợp dư luận hiểu lầm rằng việc bắt giữ là dấu hiệu suy đoán người bị buộc tội có hành vi phạm tội, đề cao nguyên tắc SĐVT (Điều 13).

- Củng cố và thực thi triệt để nguyên tắc trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan công tố: Bài học từ Pháp và Trung Quốc về trách nhiệm chứng minh, theo đó cả hai quốc gia đều nhấn mạnh nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về bên công tố. Cụ thể là BLTTHS Pháp quy định nghĩa vụ tìm kiếm, thu thập cả bằng chứng có tội và gỡ tội, Công tố viên phải áp dụng nguyên tắc suy đoán theo hướng có lợi nếu sự nghi ngờ có căn cứ hợp lý. BLTTHS Trung Quốc quy định Kiểm sát viên phải chứng minh hành vi phạm tội dựa vào các chứng cứ hợp pháp và “đáng tin cậy và đầy đủ” thay vì chỉ dựa vào các nghi ngờ có cơ sở.

BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội (Điều 15). Đây là quy định tương đồng với BLTTHS của Pháp và Trung Quốc. Tuy nhiên, Việt Nam cần làm rõ và nhấn mạnh nghĩa vụ riêng dành cho Viện kiểm sát trong việc đảm bảo tìm kiếm, thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội. Đồng thời, cần thực thi triệt để quy định “nghi ngờ phải theo hướng có lợi cho người bị buộc tội” trong mọi hoạt động buộc tội của Viện kiểm sát, đặc biệt trong giai đoạn xét xử để làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án và kiên quyết loại bỏ tư tưởng buộc tội dựa trên nghi ngờ.

- Tăng cường trách nhiệm bảo đảm quyền im lặng và tính hợp pháp của chứng cứ: BLTTHS Pháp ghi nhận quyền giữ im lặng và Công tố viên giám sát việc thực hiện quyền này, đảm bảo người bị buộc tội không bị buộc khai thông tin gây bất lợi. Trung Quốc ghi nhận quyền “Không ai bị buộc phải chứng

²³ Chúng ta còn cách xa nguyên tắc SĐVT đến mức nào?, <https://www.master-insight.com/article/44396>, truy cập ngày 15/11/2024.

minh tội lỗi của mình”. Cả hai quốc gia đều yêu cầu chứng cứ phải được thu thập hợp pháp, loại trừ các lời khai do cưỡng bức, kích động hoặc bất hợp pháp.

BLTTHS năm 2015 đã có quy định về loại trừ chứng cứ (Điều 87), không công nhận chứng cứ thu thập không đúng trình tự, thủ tục do BLTTHS năm 2015 quy định. Viện kiểm sát cần nâng cao trách nhiệm trong việc kiên quyết loại bỏ các chứng cứ bất hợp pháp. Về quyền im lặng, dù BLTTHS năm 2015 không ghi nhận chính xác thuật ngữ này, nhưng đã được thể hiện đầy đủ thông qua quy định người bị buộc tội có quyền không đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình là người có tội. Do đó, cần tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc đảm bảo quyền im lặng được tôn trọng tuyệt đối và sự im lặng không bị suy diễn bất lợi, coi đây là một phần không thể thiếu của nguyên tắc SĐVT.

- Thừa nhận và thực hiện triệt để nội dung của nguyên tắc SĐVT: Cả hai quốc gia đều thể hiện tinh thần người bị tình nghi, người bị buộc tội không thể bị coi là có tội trước khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án. Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu “nghi phạm không phải là tội phạm” và phải được đối xử không giống tội phạm trong giai đoạn tiền xét xử.

BLTTHS năm 2015 đã chỉnh sửa, hoàn thiện nguyên tắc SĐVT tại Điều 13 theo hướng người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Việt Nam cần tập trung vào việc áp dụng đầy đủ nội dung của nguyên tắc này vào thực tiễn, theo đó Viện kiểm sát cần đảm bảo nguyên tắc SĐVT được thực hiện trong suốt quá trình tố tụng từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố đến giai đoạn xét xử. Viện kiểm sát cần tiếp thu kinh nghiệm của Trung Quốc về việc đảm bảo cho người bị buộc tội được xem là người vô tội và được đối xử nhân văn trong giai đoạn tiền xét xử và tích cực tranh tụng tại Tòa để bảo đảm phán quyết của Tòa án có tính chính xác và tránh oan sai.

Kết luận

Bài viết đã làm sáng tỏ trách nhiệm của Viện Công tố Pháp và Viện kiểm sát Trung Quốc trong việc bảo đảm nguyên tắc SĐVT. Theo đó, các cơ quan này có trách nhiệm chứng minh tội phạm, giám sát nghiêm ngặt

biện pháp cưỡng chế tước tự do và đảm bảo tính hợp pháp của chứng cứ cùng với quyền im lặng của người bị tình nghi, người bị buộc tội. Bài viết đã rút ra những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam nhằm hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc bảo đảm nguyên tắc SĐVT, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người trong TTHS./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. China Criminal Procedure Law (2018), <https://www.chinalawtranslate.com/criminal-procedure-law-2018/>, truy cập ngày 03/11/2024;
2. Liling Yue (2012), “Mô hình TTHS Trung Quốc”, *Những mô hình TTHS điển hình trên thế giới* (Sách chuyên khảo), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội;
3. Vergnolle, S. (2017), *Understanding the French Criminal Justice System as a Tool for Reforming International Legal Cooperation and Cross-Border Data Requests*, <https://doi.org/10.2139/ssrn.2921364>, truy cập ngày 01/10/2024;
4. Zhiyuan Guo (2018), “Presumption of Innocence in China”, International Workshop Proceedings 505.01-2018.300: *The Presumption of Innocence*, VNU;
5. Aurélie Bergeaud-Wetterwald (2018), “Ý nghĩa và việc áp dụng nguyên tắc SĐVT trong pháp luật Cộng hòa Pháp”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế The Presumption of Innocence - SĐVT*, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Kenneth Pennington, “Innocent Until Proven Guilty: The Origins of a Legal Maxim”, *Studies in Church Law & Ministry* 106, 63 Jurist, 2003;
7. Sally Ramage, “The right to silence in France, Germany, US and the UK”, *Current Criminal Law*, Vol. 1, No. 2/2008;
8. *The Understanding, Localized Improvement of the Principle of Presumption of Innocence*, <https://doi.org/10.12677/ojls.2024.126515>;
9. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (Đồng chủ biên), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021;
10. Nguyễn Ngọc Chí, “Nguyên tắc SĐVT trong pháp luật và việc áp dụng trong thực tiễn TTHS ở Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế SĐVT*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2021;
11. Nguyễn Thành Long, *Nguyên tắc SĐVT trong TTHS Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011;
12. Mai Thanh Hiếu, “Nội dung nguyên tắc SĐVT trong pháp luật TTHS Pháp và Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 6/2023;
13. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2018;
14. *Chúng ta còn cách xa nguyên tắc SĐVT đến mức nào?*, <https://www.master-insight.com/article/44396>, truy cập ngày 15/11/2024;
15. BLTTHS Cộng hòa Pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2021), https://legislationline.org/sites/default/files/2023-10/France_Code_of_criminal_procedure_EN.pdf, truy cập ngày 01/10/2024.